

MỘT HIỆN THỰC KIẾN TẠO HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI Ở MỘT XÃ NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG*

Khi Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực, nhiều địa phương đã tiến hành giải thể hợp tác xã cũ và thành lập hợp tác xã mới. Hợp tác xã theo luật mới mang trong mình một kết cấu mới. Nhưng thực tế là việc tạo dựng một hợp tác xã kiểu mới không dễ dàng. Ở xã Hải Vân chưa có nhiều nông dân sẵn lòng tham gia góp vốn vào hợp tác xã mới. Xét trên nền tảng luật mới, hoạt động của tổ chức mới thành lập chưa hẳn đúng nghĩa là một hợp tác xã. Tuy vậy, việc cung ứng dịch vụ và cung cách vận hành của nó lại phản ánh những ý nghĩa xã hội khác nhau. Độc giả sẽ bắt gặp cái đặc tính nửa kinh tế, nửa chính trị - xã hội của hợp tác xã kiểu mới mà chúng tôi muốn chỉ ra ở bài viết này. Hợp tác xã kiểu mới là một hiện thực xã hội đang được kiến tạo⁽¹⁾. Hiện thực ấy không đơn giản là một kết quả thực thi chính sách, mà còn là một quá trình kiến tạo xã hội khi phân tích các nhân quan của các chủ thể và tác nhân liên quan.

Từ khóa: hiện thực, sự kiến tạo xã hội, hợp tác xã kiểu mới, các chủ thể và tác nhân
Nhận bài ngày: 2/8/2018; *đưa vào biên tập:* 4/8/2018; *phản biện:* 6/8/2018; *duyet đăng:* 13/10/2018

1. GIỚI THIỆU

Luật Hợp tác xã năm 2012 ra đời buộc các hợp tác xã cũ phải giải thể. Theo luật mới, hợp tác xã là tổ chức phải có tối thiểu 7 thành viên và không ai trong các thành viên của hợp tác xã được đóng góp quá 20% vốn điều lệ⁽²⁾. Hợp tác xã vận hành theo luật năm 2012 là mô hình kiểu mới cả về chủ thể tham gia góp vốn, quan hệ sở hữu, cách vận hành và cả cách cung ứng dịch vụ cho khách hàng. Chỉ những ai tham gia đóng góp vốn mới là thành viên của nó. Các quy định của luật

mới tập trung nhiều hơn vào tính tự nguyện, hợp tác giữa các thành viên. Quan trọng hơn, luật yêu cầu hợp tác xã phải phục vụ chính các thành viên của mình. Thuật ngữ “xã viên” để chỉ người nông dân tham gia trong hợp tác xã không còn được sử dụng trong văn bản luật mới, thay vào đó là thuật ngữ “thành viên” dùng để chỉ những người góp vốn tham gia hợp tác xã. Sự thay đổi này khẳng định tư cách độc lập của hợp tác xã kiểu mới xét về mặt luật pháp.

40 năm sau cuộc nghiên cứu đầu tiên của Houtart và Lemercinier về hợp tác xã ở xã Hải Vân (tỉnh Nam Định), nơi

* Viện Xã hội học.

đây hiện đang diễn ra một sự thay đổi về mô hình hợp tác xã theo luật mới. Quan sát cách vận hành của hợp tác xã mới hôm nay bên cạnh việc đọc lại những phân tích của hai tác giả trên gọi cho chúng ta những thảo luận tiếp tục về khả năng kiến tạo các liên kết nông dân và triển vọng của mô hình hợp tác xã kiểu mới. Chúng ta có thể theo dõi các bài viết đăng tải trên các trang báo điện tử trong thời gian qua về việc giải thể hợp tác xã cũ và thành lập hợp tác xã kiểu mới trên phạm vi cả nước. Trong bài viết này, Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Hải Vân được tập trung xem xét ở tình cảnh ra đời và cung cách vận hành. Tuy vậy, cần lưu ý rằng việc xem xét Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Hải Vân không nhằm đi đến một sự khái quát hóa mang tính đại diện về thực tiễn này, mà là nhằm vào việc nhận diện một hiện thực xã hội đang được kiến tạo theo lối sử dụng phương pháp điển hình học. Theo Berger, kiến tạo xã hội là quá trình hiện thực xã hội được tạo ra dưới các nhãn quan xã hội khác nhau, hiện thực ấy độc lập đối với ý muốn của chúng ta mà “chúng ta không thể rũ bỏ đi được” (Berger và Luckman, 2015: 7). Trong thực tế, hiện thực được phản ánh không có hình thái thuần khiết. “Thay vào đó, người ta thấy những cái gần xấp xỉ với nó và sai lệch đôi chút so với nó ở mức độ khác nhau” (Berger, 2015: 34), hay nói một cách khác, hiện thực được kiến tạo về mặt xã hội.

Berger và Luckman (2015) nhận diện thực tại đời sống thường nhật tự nó xuất hiện trước mắt chúng ta như một thế giới liên chủ thể. Có một sự tương ứng giữa thế giới của những người tham gia trong đời sống thường nhật, song nhãn quan của họ về sự tồn tại ấy về thế giới thường nhật là khác nhau. Họ chia sẻ những điều hiển nhiên của đời sống thường nhật, song họ có những nhãn quan khác nhau về thế giới thường nhật ấy. Tuy nhiên, Berger và Luckman cũng nhận định rằng giữa những người khác nhau vẫn có một sự tương ứng về các ý thức thông thường, về thực tại của thế giới này. Nói cách khác, đó là một sự qui chiếu về một thế giới chung của nhiều con người (Berger và Luckman, 2015: 35-42). Hợp tác xã kiểu mới ở Hải Vân có đầy đủ tư cách là một thực tại của đời sống thường nhật. Vận dụng theo cách định nghĩa của Berger và Luckman về hiện thực, ta có thể nói sự vận hành của hợp tác xã ở Hải Vân là một hiện thực của đời sống thường nhật. Với tư cách ấy, hợp tác xã mới ra đời không chỉ nhờ sự thúc đẩy của các quá trình thực thi chính sách, và quản lý xã hội ở cơ sở, mà còn là một quá trình được kiến tạo về mặt xã hội (quá trình này chưa kết thúc, chưa hoàn thành, nói cách khác là nó đang được kiến tạo). Lý thuyết sự kiến tạo xã hội về hiện thực tỏ ra hữu ích trong việc dẫn dắt sự nhận diện và cả giải thích sự kiện xã hội này. Để phân tích hiện thực xã hội, nhà xã hội học xây dựng các khuôn mẫu điển hình (typical patterns)⁽³⁾.

Trong bài viết này, hợp tác xã kiểu mới ở Hải Vân được xem xét ở 5 đặc trưng sau:

- Sự liên đới của các tác nhân, các chủ thể đến cấu trúc
- Tính kinh tế và các đặc tính khác của hệ thống
- Cung cách vận hành của hệ thống
- Sự tuân thủ các quy định, không ngoại trừ việc tuân thủ các giao ước ngầm định
- Tầm quan trọng của vai trò trung giới (với bên ngoài và nội bộ).

Bài viết dựa trên kết quả của chuyến đi khảo sát định tính của Viện Xã hội học được tổ chức vào tháng 5/2017 tại xã Hải Vân. Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp ở Hải Vân hiện nay được xem xét dưới những quy định mới của Luật Hợp tác xã năm 2012. Bài viết sử dụng các số liệu, các báo cáo của địa phương cung cấp, kết hợp với các dữ liệu phỏng vấn định tính và các nghiên cứu trước đây về chủ đề này. Bài viết chỉ thảo luận về kiểu loại hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

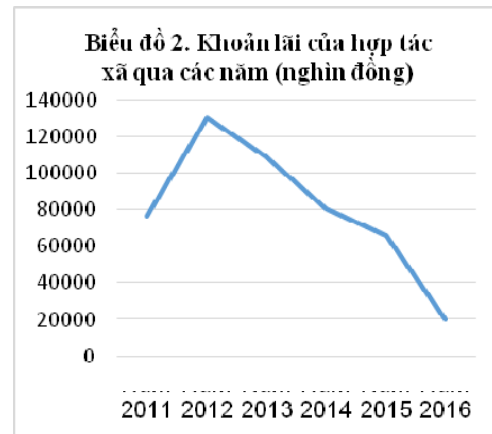
2. SỰ RA ĐỜI HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI

Trước khi Luật Hợp tác xã năm 2012 được ban hành, huyện Hải Hậu có 45 hợp tác xã nông nghiệp. Với luật mới, tất cả hợp tác xã nông nghiệp này không còn phù hợp và buộc phải giải thể (Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017). Tại xã Hải Vân, hợp tác xã nông nghiệp cũ có một ban quản trị (gồm 4 người: chủ nhiệm hợp tác xã,

phó chủ nhiệm, kế toán và kiểm soát viên) và 3.320 xã viên. Tháng 11/2015, hợp tác xã cũ tiến hành giải thể. Các tài sản của hợp tác xã cũ như nhà kho, cửa hàng, hệ thống bơm, hệ thống đường điện theo quy định thuộc diện tài sản không chia, và được bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý. Ngoài ra, vốn tiền mặt và các tài sản khác của hợp tác xã cũ còn lại trị giá khoảng 1 tỷ đồng được các xã viên đồng ý sử dụng đầu tư cho cơ sở hạ tầng đồng ruộng. Tháng 4/2016 Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp xã Hải Vân (trong bài viết này tôi sẽ gọi tắt là hợp tác xã mới) được thành lập theo luật mới. Đến tháng 5/2017, toàn huyện Hải Hậu có 30 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp thành lập mới (Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017).

Tuy nhiên, hợp tác xã mới ở Hải Vân sau hơn một năm thành lập vẫn chỉ có 5 người tham gia góp vốn ban đầu (trong số này có 4 người của ban chủ nhiệm hợp tác xã cũ và 1 người mới vào). Tổng số tiền góp quỹ là 130 triệu đồng, chưa đạt 1/3 vốn điều lệ (vốn điều lệ là 500 triệu đồng). Có 3 người khác ký tên tham gia hợp tác xã, nhưng chưa góp vốn. Ngoài ra, có 12 trưởng xóm ghi danh thành viên, nhưng cũng chưa góp vốn.

Đang vận động họ cùng góp vốn với anh em để làm, bởi anh em mới thành lập từ tháng 4/2016 thì mới được 1 năm. Nhiều người vẫn còn lưỡng lự, để xem các ông kia có làm ăn thuận lợi hay không, rồi người ta mới bỏ tiền



Nguồn: Nguyễn Thị Minh Phương, 2018, theo số liệu từ báo cáo thu - chi của hợp tác xã từ 2011-2016.

bỏ vốn ra, bắt tay với nhau cùng làm... 20 người này đã viết đơn và nộp rồi. Chỉ có điều là tiền vốn của người ta thì chưa huy động được (PVS thành viên hợp tác xã, nam, 45 tuổi).

Tài sản của hợp tác xã mới chỉ gồm 2 máy làm đất cũ và không có trụ sở làm việc riêng. Ủy ban Nhân dân xã cho hợp tác xã mượn 1 phòng làm việc của Ủy ban làm trụ sở, cho mượn sân Ủy ban để máy móc, vật tư và cho thuê 1 cửa hàng với giá ưu đãi (500.000 đồng/tháng) để bán vật tư nông nghiệp⁽⁴⁾. Các dịch vụ mà hợp tác xã này cung cấp bao gồm thủy nông, bảo vệ đồng - diệt chuột, làm đất, cung ứng vật tư, và giống lúa (ở hợp tác xã cũ còn cung cấp dịch vụ bơm tát và thú y). Hợp tác xã mới không cung cấp dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp và không thu mua nông sản. Có thể thấy rằng trước và sau năm 2015, ban vận hành và các dịch vụ của hợp tác xã cũ và mới hầu như không có sự thay đổi.

Biểu đồ 1 và 2 biểu diễn tổng thu và lãi của hợp tác xã cả cũ và mới từ

2011 đến 2016, từ năm 2011 đến năm 2015 là của hợp tác xã cũ và riêng 2016 là của hợp tác xã mới. Tổng thu của hợp tác xã mới vào năm 2016 cao hơn đáng kể so với tổng thu những năm trước đó của hợp tác xã cũ (Biểu đồ 1). Tuy nhiên, khi hạch toán lỗ lãi, có thể thấy năm đầu hợp tác xã mới không hiệu quả bằng hợp tác xã cũ. Đường đồ thị đi xuống (Biểu đồ 2) đặt ra câu hỏi tại sao ở cả hợp tác xã cũ và mới trong các năm lại tỏ ra kém hiệu quả so với thời điểm năm 2012. Chúng ta sẽ xem xét vấn đề này (ở mục 2) về vai trò chủ thể kinh tế của hợp tác xã. Như vậy, kể từ tháng 4/2016, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Hải Vân cũng như các hợp tác xã khác trên cả nước thuộc sự điều chỉnh của luật hợp tác xã mới.

3. MỘT CHỦ THỂ KINH TẾ

Nói đến chủ thể kinh tế là nói đến một thực thể ở một quy mô khả dĩ thực hiện được một sự làm chủ thật sự đối với lực lượng sản xuất và có thể có những lựa chọn không bị phụ thuộc

(Bettelheim, 1977 - dẫn theo Houtart và Lemercinier, 2001). Thật vậy, theo cách định nghĩa này hợp tác xã mới là một chủ thể kinh tế, mặc dù hiệu quả làm ăn của nó còn là một câu trả lời để ngỏ ở tương lai, bởi rõ ràng nó vừa mới chỉ thành lập được 1 năm. Là một chủ thể kinh tế, hợp tác xã mới có vốn được góp bởi những người sáng lập tự nguyện tham gia, tuy không quá lớn nhưng cũng đủ để thực hiện một số dịch vụ mà nông dân cần đến. Chúng ta sẽ lần lượt xem xét tư cách chủ thể kinh tế của hợp tác xã mới qua việc hợp tác xã thực hiện hợp đồng ký kết với Ủy ban Nhân dân xã và cung cấp giống, vật tư cho nông dân.

Có một sự thay đổi trong cách “bán” dịch vụ nông nghiệp của hợp tác xã mới so với hợp tác xã cũ. Trước năm 2015, hợp tác xã cũ nhận khoản đóng phí từ các hộ với mức đóng góp là 2,1kg thóc/sào cho các dịch vụ thủy nông, bảo vệ đồng và diệt chuột. Nếu ta tính tổng thu bình quân/năm của hợp tác xã cũ ở hai hạng mục này từ

năm 2011 đến 2015 ta sẽ thấy mức thu bình quân là 76 triệu đồng/năm. Với diện tích ruộng lúa là 5 nghìn sào trên quy mô toàn xã, ta có thể tính được mức đóng góp phí thủy nông, bảo vệ đồng và diệt chuột là 15.200 đồng/sào/năm. Số tiền này tương đương với 2,1 kg thóc/sào như đã nêu trên. Nếu đổi sang cách tính đóng góp bình quân theo đầu xã viên của hợp tác xã cũ, thì mức đóng góp bình quân là 23.000 đồng/người/năm. Rõ ràng khoản tiền này là góp đóng phí chứ không thể coi là góp vốn vào hợp tác xã như có người lầm tưởng. Bởi, việc góp vốn của thành viên một tổ chức bao giờ cũng cần đến những quy định nêu trong điều lệ thành lập và khoản vốn mỗi thành viên sau khi đóng góp sẽ trở thành tài sản của hợp tác xã. Trong khi đó, khoản tiền đóng góp/sào của mỗi hộ chỉ vừa đủ để trả khoản phí mà hợp tác xã cung cấp. Sang năm 2016, hợp tác xã mới vận hành. Dịch vụ thủy nông, bảo vệ đồng và diệt chuột do hợp tác xã mới cung cấp, nhưng phương thức làm việc đã

Bảng 1. Khoản thu và lãi từ dịch vụ thủy nông, bảo vệ đồng và diệt chuột

Đơn vị: nghìn đồng

	Năm	Thủy nông	Bảo vệ đồng và diệt chuột	Tổng thu	Lãi
Hợp tác xã cũ	2011	55.260	13.552	68.812	4.689
	2012	59.739	15.025	74.764	14.747
	2013	59.375	15.035	74.410	11.324
	2014	61.686	15.771	77.457	678
	2015	67.562	17.273	84.835	1.023
Hợp tác xã mới	2016	159.928	45.500	205.428	3.271

Nguồn: Nguyễn Thị Minh Phương, 2018, tổng hợp từ *Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh dịch vụ của hợp tác xã ở Hải Vân từ 2011-2017*.

thay đổi. Hợp tác xã mới thực hiện dịch vụ theo hợp đồng ký kết với Ban Nông nghiệp xã. Các hạng mục dịch vụ gồm dẫn nước, vệ sinh giải tỏa sông cấp 2, cấp 3, bảo trì hệ thống cống, xây lắp sửa chữa cầu cống, giải tỏa các đường dẫn nước khó khăn ở sông cấp 2 (gọi chung là dịch vụ thủy nông) và bảo vệ ruộng đồng, diệt chuột. Khoản thu từ hai dịch vụ này tăng lên đáng kể ở năm 2016 so với những năm trước đó, gấp từ 2,5 đến 3 lần (Bảng 1). Các nông hộ là các khách hàng trả một khoản phí 20.000 đồng/sào/vụ (15.000 đồng chi cho thủy nông và 5.000 đồng chi cho bảo vệ đồng và diệt chuột). Trưởng xóm đứng ra thu khoản tiền này và đưa về Ủy ban Nhân dân xã. Ban Nông nghiệp thay mặt Ủy ban xã ký hợp đồng mua - bán dịch vụ với hợp tác xã. Sau khi hợp tác xã cũ giải thể, khoản phí đóng cho dịch vụ thủy nông, bảo vệ đồng và diệt chuột đã tăng lên 40.000 đồng/sào/năm, gấp 2,7 lần so với trước đây.

Giá nhân công thay đổi từ năm 2010 trở lại đây giải thích cho việc tăng mức đóng nêu trên. Giá ngày công lao động từ mức 50.000 đồng/ngày/người vào năm 2010 đã tăng lên thành 70.000 đồng/ngày/người vào năm 2011, và tăng tiếp thành 140.000 đồng vào năm 2015. Sang năm 2016, mức ngày công trên thị trường vào ngưỡng gần 200.000 đồng/người/ngày. Rõ ràng điều này có ảnh hưởng đáng kể đến các chi phí thuê nhân công lao động. Nhân công lao động là người trong làng-xã. Ở hợp tác xã cũ, đây chính là các xã viên. Rõ ràng, hợp tác xã cũ đã trả ngày công lao động cho xã viên của mình theo giá thị trường. Bên cạnh giá ngày công tăng, chi phí dầu chạy máy tăng làm cho giá dịch vụ thủy nông phải tăng theo. Tuy vậy, giá cả thuê nhân công và các chi phí dầu chạy máy tăng trong năm 2015 và 2016 đã làm cho khoản lãi từ 2 dịch vụ này chẳng còn đáng kể so với 3 - 5 năm trước đó. Khoản thu từ thủy nông và bảo vệ đồng - diệt chuột của hợp tác xã mới đã tăng lên gần gấp 3 lần,

Bảng 2. Khoản thu, chi và lãi từ dịch vụ làm đất

Đơn vị: nghìn đồng

	Năm	Thu từ dịch vụ làm đất	Chi từ dịch vụ làm đất	Lãi từ dịch vụ làm đất
Hợp tác xã cũ	2011	491.822	429.759	62.063
	2012	592.140	494.662	97.478
	2013	576.356	489.114	87.242
	2014	541.067	482.142	58.925
	2015	503.242	453.864	49.378
Hợp tác xã mới	2016	692.360	682.360	10.000

Nguồn: Nguyễn Thị Minh Phương, 2018, tổng hợp từ *Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh dịch vụ của hợp tác xã ở Hải Vân từ 2011 - 2016*.

nhưng khoản lãi lại chỉ bằng một nửa so với mức lãi bình quân của hợp tác xã cũ ở 5 năm trước đó. Đó là một chi tiết đáng chú ý, nhưng chúng ta sẽ không bàn thêm vấn đề này ở đây nữa mà sẽ thảo luận trở lại ở mục cuối của bài viết về quan hệ giữa nhà nước và xã hội.

Hợp tác xã mới cung cấp dịch vụ làm đất cho các nông hộ với hai chiếc máy làm đất, nhưng đó không phải là máy mới. Đây chính là hai cái máy của hợp tác xã cũ sau khi giải thể đã được hóa giá để hợp tác xã mới mua. Thu từ dịch vụ làm đất tăng theo thời gian, nhưng chi phí để trả cho thuê nhân công và mua dầu chạy máy tăng nhanh không kém. Năm 2016, dịch vụ này của hợp tác xã mới chỉ đem lại một khoản lãi 10.000.000 đồng cho cả hai vụ. Hiện tại, hợp tác xã mới cung cấp dịch vụ làm đất cho khoảng 200 mẫu ruộng trong xã, số còn lại chừng 300 mẫu do dịch vụ tư đảm nhiệm.

Hợp tác xã kêu gọi sự tham gia của các trưởng xóm. Bởi người này có thể

vận động các nông hộ trong thôn sử dụng dịch vụ làm đất của hợp tác xã. Thật vậy, sự tham gia của trưởng xóm vào hợp tác xã giúp đem lại nguồn thu có lợi, hợp tác xã bán được dịch vụ làm đất. Tuy nhiên, cũng giống như dịch vụ thủy nông, bảo vệ đồng và diệt chuột, khoản lãi từ dịch vụ làm đất của hợp tác xã mới thấp hơn đáng kể so với hợp tác xã cũ (Bảng 2).

Nếu ở 3 dịch vụ trên, hợp tác xã làm việc trực tiếp với Ban Nông nghiệp và các trưởng xóm để gián tiếp cung cấp dịch vụ cho các nông hộ thì ở 2 dịch vụ còn lại (cung cấp vật tư nông nghiệp và thóc giống) hợp tác xã làm việc trực tiếp với nhà nông trong quan hệ kẻ bán, người mua. Rõ ràng khoản lãi từ bán vật tư rất thấp vào năm 2016, và nguồn thu từ dịch vụ này cũng rất thấp (Bảng 3), tuy nhiên lãi từ bán thóc giống duy trì được. Mặc dù giá vật tư có tăng lên chút trong năm 2016, nhưng về cơ bản không có biến động lớn lắm. Như thế, rõ ràng nông dân tìm đến hợp tác xã mới để mua thóc giống, nhưng không phải số đông

Bảng 3. Khoản thu, và lãi từ bán vật tư và thóc giống

Đơn vị: nghìn đồng

	Năm	Thu từ bán vật tư	Lãi từ bán vật tư	Thu từ bán thóc giống	Lãi từ bán thóc giống
Hợp tác xã cũ	2011	155.737	6.717	38.382	700
	2012	171.945	10.370	46.536	1.027
	2013	200.189	6.257	54.800	1.239
	2014	268.665	16.278	63.497	3.955
	2015	255.025	12.921	58.577	2.735
Hợp tác xã mới	2016	172.500	3.700	48.130	3.300

Nguồn: Nguyễn Thị Minh Phương, 2018, tổng hợp từ *Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh dịch vụ của hợp tác xã ở Hải Vân từ 2011 - 2016*.

tìm đến dịch vụ cung ứng vật tư của hợp tác xã mới. Tại sao lại trái ngược như vậy? Thực ra, nông dân ít mua nợ giống, vì khoản chi này không lớn lắm, nhưng nhiều người trong số họ lại muốn nợ vật tư. Về điểm này, hợp tác xã khó có thể đáp ứng những người muốn mua chịu, vì không trường vốn bằng các cửa hàng vật tư của tư nhân.

Bây giờ chỉ có kinh doanh vật tư, mà vật tư thì nhà nước cho dân tự do rồi, cứ có giấy phép là được kinh doanh. Thuốc sâu, vật tư nông nghiệp các thứ đều tư nhân bán cả. Tập thể này là phải qua thủ tục nợ kia. Từ kho phải về đến đây, xong mới xuất ra được ngoài kia, rồi phải thanh quyết toán tập thể. Ở kia thì người ta chỉ cần cuốn sổ là xong. Chủ (tư nhân) ghi hôm nay nhận 5 tấn đạm chẳng hạn, mai bán trực tiếp cho dân, không qua một công đoạn gì nữa, không phải sơ kết tổng kết, rồi không phải chi phí khác (PVS thành viên hợp tác xã, nam, 45 tuổi).

Kinh doanh vật tư đưa lại lợi nhuận cao hơn các dịch vụ nông nghiệp khác và có nhiều cạnh tranh hơn. Các cửa hàng cung cấp vật tư, thuốc bảo vệ thực vật đang có mặt khắp mọi ngõ ngách trong các xóm. Với kết cấu gọn nhẹ, các cửa hàng tư nhân điều chỉnh giá bán linh hoạt theo sự biến động của thị trường thay vì chờ ý kiến tập thể. Khi nông hộ yêu cầu, chủ cửa hàng tư nhân chở vật tư ra tận cánh đồng, trong khi hợp tác xã không có đủ nhân lực để làm như vậy. Hơn

nữa, cửa hàng tư nhân lợi thế hơn về vốn, cho khách hàng nợ, liên tục gối hàng qua các vụ, các năm, trong khi vốn của hợp tác xã cả cũ và mới mỏng hơn nhiều lần nên không thể làm tương tự.

Trong bảng tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh dịch vụ của hợp tác xã Hải Vân từ năm 2011 đến năm 2016, không có dịch vụ nào của hợp tác xã cả cũ và mới liên quan đến thu hoạch, bảo quản, chế biến và thu mua nông sản. Vào năm 1979, Houtart (2001: 78) nhận xét “Cuối cùng, ta thấy với tư cách của mình, hợp tác xã không có một hoạt động buôn bán nào ở thị trường tự do. Phần sản lượng giữ lại, hợp tác xã đầu tư vào sản xuất (làm giống và thức ăn cho gia súc)”. Nhận xét của Houtart về sự kiện này vào thời điểm cách đây 40 năm gợi cho chúng ta suy ngẫm về năng lực mang tính lịch sử của mô hình hợp tác xã. Phải chăng mô hình này khó đảm đương các hoạt động giao dịch sản phẩm trên thị trường? Đào Thế Tuấn (1989) cho rằng việc tổ chức hợp tác xã có tác dụng thúc đẩy sản xuất hàng hóa của nông dân. Theo Chayanov, hợp tác hóa trong sản xuất nông nghiệp cần bắt đầu từ lĩnh vực lưu thông và mang tính chất tích tụ theo chiều từ dưới lên (dẫn theo Nguyễn Khắc Thanh, 1989). Tuy vậy, trong làng - xã ở Hải Vân ngày nay, việc thu mua sản phẩm nông nghiệp của nông dân vẫn chưa được hợp tác xã đảm nhiệm.

Sự ra đời của luật hợp tác xã mới mang hai ý nghĩa, một mặt cho phép

nhà nước thu hồi, quản lý các tài sản không chia trước đây của hợp tác xã, một mặt tạo ra một sự thúc ép các hợp tác xã mới phải độc lập. Nhờ đó, nhà nước cho giải thể các hợp tác xã cũ trì trệ, không hiệu quả. Đây là một hiện thực của hợp tác xã cả cũ và mới được tạo ra bởi tác nhân là chính nhà nước. Hiện thực này được kỳ vọng đem lại sự thay đổi và tạo mới các liên kết của nông dân với sự ra đời của luật mới. Tuy nhiên, sau khi được thành lập, hầu hết các dịch vụ mà hợp tác xã mới cung cấp đều giảm mức lãi so với hợp tác xã cũ. Nếu xét theo phương diện kinh tế, người ta có thể quy kết hợp tác xã mới không hiệu quả hơn hợp tác xã cũ. Liệu hiện thực này có mâu thuẫn với mong đợi của các nhà làm chính sách? và tại sao hợp tác xã mới lại phải duy trì dịch vụ này cho dù nó ít đưa lại hiệu quả kinh tế? Có lẽ nào nó hoạt động không hoàn toàn với mục tiêu lợi nhuận? Trong khi đó, dưới nhãn quan của thành viên hợp tác xã mới, hợp tác xã này có tư cách hỗ trợ nông dân, là “bệ đỡ” cho Ban Nông nghiệp xã thực hiện các nhiệm vụ chức năng. Mặt khác, hợp tác xã tự nhận mình đang góp phần ổn định tình hình sản xuất nông nghiệp ở địa phương. Dưới nhãn quan này là một hiện thực xã hội về hợp tác xã với diện mạo đang thực thi chức năng bảo đảm xã hội cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp của nông dân.

Cái tư cách chủ thể kinh tế của hợp tác xã mới là có thực khi nó thực hiện

các hoạt động kinh tế tự quyết chủ động, từ việc ký kết hợp đồng với đại diện ủy ban xã, huy động sự ủng hộ của các trường xóm cho đến việc thực hiện các giao dịch trực tiếp với nông dân. Cho dù năm đầu lãi đạt 15% so với vốn bỏ ra, ít lời hơn so với hợp tác xã cũ, cách vận hành của hợp tác xã mới cho thấy cái tư cách chủ thể kinh tế độc lập của nó. Nhưng có một điều không thể bỏ qua khi xem xét cách vận hành của hợp tác xã mới, đó là hầu hết khách hàng lại là những người bên ngoài hợp tác xã. Với phần đông khách hàng không phải là các thành viên của mình, hợp tác xã hôm nay phải chăng là một biến thể thú vị giữa một loại hình doanh nghiệp pha trộn với những đặc tính của một tổ chức xã hội ít vì mục tiêu lợi nhuận? Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này trong mục 4 về quan hệ nhà nước và xã hội. Trong mục tiếp theo dưới đây chúng ta sẽ bàn về các chủ thể xã hội liên quan đến cấu trúc này và nhãn quan của họ về cấu trúc ấy.

4. CÁC CHỦ THỂ XÃ HỘI

Có một mối liên hệ giữa hợp tác xã mới với các trường xóm, nhờ đó mà hợp tác xã bán được dịch vụ làm đất cho toàn xóm. Chúng ta nên biết rằng các trường xóm chính là các đội trưởng của hợp tác xã cũ. Sau giải thể, cả 4 người trong Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã cũ tiếp tục tham gia vào hợp tác xã mới. Nhắc như vậy để chúng ta nhìn nhận về nhân vật trường xóm trong những phân tích dưới đây. Ông ta làm việc không phải vì một hợp tác

xã cũ đổi lốt sang hợp tác xã mới, mà thực ra ông ta làm việc vì một ý nghĩa khác, điều mà Houtart (2001: 57-59) gọi là một chủ thể xã hội. Người đứng đầu xóm vận động bà con trong xóm cùng xuống đồng theo lịch nông nghiệp đã được thống nhất từ huyện chuyển xuống. Hợp tác xã tuân thủ lịch thời vụ để triển khai các dịch vụ kịp thời cho nông dân xuống đồng. Khi các nông hộ cùng xuống đồng, những mảnh ruộng của họ sẽ ít bị côn trùng, sâu bệnh tấn công hơn.

Vào những năm trước 2015, mỗi xóm được xem là một tổ đội. Người trưởng xóm đồng thời là đội trưởng của hợp tác xã cũ. Đến kỳ thu phí (2,1 kg thóc/sào), ông ta đi gõ cửa từng nhà. Thật không may, không phải nhà nào cũng trả ngay. Một số trả hết, một số trả một ít trước, một số khát nợ. Một bà vợ của một ông đội trưởng (của hợp tác xã cũ) gọi việc ông chồng bà đi thu tiền như thế là “đi gãi ghẻ”. Bởi việc thu tiền lắt nhắt, có nhà đến đòi dăm ba lần mới hết. Bà vợ đòi ông thôi không làm đội trưởng nữa, khoản phụ cấp hợp tác xã (cũ) trả ông chẳng bằng ông về trồng rau cùng vợ. Vào thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp, Houtart (2001: 113-123) phân tích rằng vai trò của vị đội trưởng sản xuất có một mức độ tương tác chặt chẽ với xã viên. Cách quản lý công việc, khả năng làm việc của ông ta được những người lớn tuổi bầu chọn. Trong khi đó những người trẻ tuổi lại chú ý đến việc vị đội trưởng này có đi đúng theo đường lối chính trị của Đảng hay

không. Ngày nay, đội trưởng không còn làm những công việc như đội trưởng thời kỳ hợp tác hóa (phân công lao động trong đội, tổ chức bình xét, chấm công điểm...) cho nên cái vị thế của đội trưởng ngày xưa cũng không còn. Nhưng những công việc quán xuyến đồng áng, nhắc nhở bà con chăm sóc đồng ruộng vẫn do vị đội trưởng đốc thúc.

Ông ấy làm đội trưởng (kiêm công tác của xóm⁽⁵⁾), bận đấy, ông ấy trông nom hết cánh đồng, có chuyện gì là ông báo cáo lên ngay, bị sâu hay nhà nào để cỏ, nhà nào mất nước thì ông về gọi. Ông ấy lẫn lộn tí ngoài đồng. Nhưng bây giờ không làm đội trưởng nữa, ông cũng ít ra đồng. Ông ấy làm đội trưởng 3 khóa rồi đấy, muốn nghỉ mà họ cũng không cho nghỉ (PVS bà vợ đội trưởng).

Cũng cần phải nhắc lại rằng cả 12 trưởng xóm hiện tại đều chưa góp vốn vào hợp tác xã mới, mặc dù họ đã viết đơn xin gia nhập. Tuy thế, hợp tác xã mới vẫn coi họ là các đội trưởng ở 12 xóm. Đó là một mâu thuẫn. Nhưng cả những người đã góp vốn và những người chưa góp vốn vẫn cùng nhau phối hợp làm việc dưới danh nghĩa “thành viên” của hợp tác xã mới. Để góp kinh phí làm thủy nông, bảo vệ đồng và diệt chuột, các nông hộ cần đến người đại diện cho họ. Trưởng xóm là người đại diện. Như chúng ta đã biết, người trưởng xóm làm cầu nối giữa Ủy ban Nhân dân xã với nông dân, và cũng là cầu nối giữa hợp tác xã với nông dân. Ông ta thu tiền từ

các hộ theo giá trên một sào ruộng đã được thống nhất và chuyển khoản kinh phí này lên Ủy ban Nhân dân. Khoản kinh phí này được Ủy ban chuyển cho hợp tác xã để thực hiện hợp đồng dịch vụ thủy nông, bảo vệ đồng và diệt chuột. Ở vị trí trưởng xóm, ông vận động bà con cùng sử dụng dịch vụ làm đất của hợp tác xã. Ở vị trí thành viên hợp tác xã, ông đi thu những khoản nợ vật tư mà nông dân trong xóm mua chịu của hợp tác xã (điều mà người phụ nữ được nhắc đến ở trên đây gọi là “đi gãi ghè”).

Bà con vừa lấy vật tư của hợp tác xã, vừa lấy bên ngoài, còn làm đất thì dùng dịch vụ hợp tác xã. Từ ngày tôi nhận làm đội trưởng, cả xóm đều làm đất theo hợp tác xã hết. Vì hợp tác xã làm bao cả vùng cho nên anh máy ngoài không vào làm được (PVS trưởng xóm).

Như thế, trưởng xóm trong vai đội trưởng của hợp tác xã vừa chịu trách nhiệm trước nhà nước, vừa trước dân làng trong việc triển khai các hoạt động liên quan đến sản xuất nông nghiệp. Nếu thiếu tiếng nói của ông ta, máy cày của hợp tác xã chẳng chạy được liên tục trên cánh đồng. Như thế cái tư cách chủ thể xã hội của trưởng xóm đã rõ ràng, bởi tư cách ấy được xác lập trong không gian làng - xã. Nhờ thế mà dù trưởng xóm chưa góp vốn, mới chỉ có đơn, hợp tác xã mới vẫn xem họ là thành viên và thuyết phục họ bỏ tiền góp vốn. Nhưng chúng ta cũng bắt gặp ở các vị trưởng xóm cái ứng xử nước đôi này “vừa là

thành viên, vừa là không phải thành viên”. Vị trưởng xóm nhận thức về cái trách nhiệm xã hội của mình với tư cách trưởng xóm, ông ta cũng nhận thức về “cái nhiệm vụ kinh tế” với tư cách “thành viên hợp tác xã”, song ông lại không góp vốn. Một hiện thực xã hội khác về hợp tác xã kiểu mới có thể được nhận ra từ góc nhìn của vị đội trưởng và hành động của ông ta. Điều này góp phần hé mở một hiện thực sống động về hợp tác xã kiểu mới ở cơ sở. Ở đây chúng ta có quyền đặt ra câu hỏi rằng liệu khi không còn là trưởng xóm nữa ông ta có còn là “thành viên” hợp tác xã nữa không. Đặt trong mối liên hệ giữa bên trong với bên ngoài hợp tác xã, chúng ta tìm thấy ở vị trưởng xóm này cái tư cách “vai trò trung giới” khi ông ta ở vào vị trí kết nối các mối liên hệ giữa cộng đồng với hợp tác xã, cộng đồng với nhà nước, hợp tác xã với nhà nước.

Chúng ta không thể không bàn đến nhân vật nông dân với tư cách là một chủ thể xã hội, những người có thể có nhãn quan khác. Bởi xét cho cùng việc kiến tạo cho được mô hình hợp tác xã kiểu mới là cái mà các nhà hoạch định chính sách mong muốn. Còn với nông dân, tuyệt đại đa số họ không còn là thành viên của hợp tác xã cũ nữa, nhưng họ cũng chẳng có ý định gia nhập hợp tác xã mới. Nghề nông đang bị một số đông người trong xã bỏ lại đằng sau. Hơn nửa lao động trong xã chuyển sang công việc phi nông nghiệp, nhưng họ vẫn giữ ruộng,

hoặc cho mượn, cho thuê ruộng cốt để giữ đất. Những người hiện duy trì công việc đồng áng cho biết ruộng mượn được nhiều, không đủ sức làm. Ruộng mượn để làm có thể lên tới 5-7 mẫu. Tuy nhiên, trong các xóm số hộ làm đến 6-7 mẫu ruộng không nhiều, chỉ chừng một đến hai nhà. Đa số các hộ làm từ 1 đến 2 mẫu. Người trẻ không muốn làm ruộng, người già làm vì tiếc đất để không, nhưng họ đâu còn mấy sức. Nếu chăm chỉ, sức một người già 60-70 tuổi làm được 1-2 mẫu. Để có đất làm nhiều như thế, họ gom thêm đất của 5-10 nhà khác, bởi vì bình quân trong xã mỗi hộ chỉ có 2 sào ruộng. Những thảo luận này cần đến một khảo sát định lượng để kiểm chứng, nhưng chúng ta có thể tạm thời hình dung rằng với số lao động trên diện tích đất ruộng như thế, dĩ nhiên có kết hợp sử dụng máy móc ở một số công đoạn, con người nơi đây đã lao động đạt đến cái ngưỡng nhất định để tạo ra một lượng nông sản nhất định ở mỗi vụ.

Nói thật, bà con chúng tôi ở địa phương này làm nhiều nghề nghiệp nên nông nghiệp cũng không hám lắm. Một số người không làm nông nữa cho bố mẹ, cho con (ruộng của mình) (PVS trưởng xóm).

Phác qua diện mạo sản xuất trong xã như thế để chúng ta có thể hình dung được phần nào về tính chất sản xuất nông nghiệp hiện nay. Dĩ nhiên, sẽ có lao động tích cực trồng lúa, rau màu bởi đó là nguồn thu quan trọng cho hộ gia đình, nhưng liệu những lao động

này có gia nhập hợp tác xã, hoặc tự liên kết để thành lập tổ sản xuất, hợp tác xã khác hay không, vẫn để ngỏ câu trả lời. Sau khi trích lại phần dành cho quỹ phát triển vốn, khoản tiền 20.271.000 đồng lãi của năm 2016 (Biểu đồ 2) hẳn chẳng còn mấy đáng kể cho 5 con người góp vốn. Cái bằng chứng “hiệu suất” ấy khiến người khác do dự. Đó còn chưa kể, hợp tác xã những năm 1970 - 1980 vẫn để lại một dấu ấn trong nông dân. Họ không muốn quay lại thời kỳ làm ăn tập thể để rồi tất cả cùng đói nghèo.

(Hợp tác xã ngày xưa) cũng chẳng có cái hay ho, tiến bộ. Bây giờ dân khổ... (Còn hợp tác xã ngày nay) tôi bảo đã đi hầu nghề mười mấy năm giờ nay, bây giờ lại chung vốn vào đi hầu nghề nữa thì (thà) về nhà mà làm ruộng, làm vườn. Tôi bảo vậy, tôi nói thật. Tôi không chung. Cái đội này (chỉ đội sản xuất, hay chính là xóm), trăm mấy chục hộ mua thóc với mua chịu lân đạm. 5-7 chục triệu, thu một mùa, việc nhà vút đấy, qua đi có mấy tháng giờ lại đi thu. Rồi vào nhà (người ta), có nhà đến 5-7 lượt họ mới có tiền nộp. Chứ họ có như mình “thôi đến lượt mình thì mình nộp đi cho người ta về” đâu. Nay họ són cho tí, mai họ són cho tí, bao nhiêu lần mới hết vài trăm nghìn bạc (PVS vợ đội trưởng).

Dưới góc nhìn của bà vợ đội trưởng -, một người nông dân - cái hiện thực hợp tác xã kiểu mới không có gì mới mẻ so với hiện thực bà từng biết. Việc ông chồng của bà tham gia vào hợp tác xã là hành động “đi hầu nghề”, giờ

nếu bỏ vốn để góp vào hợp tác xã cũng vẫn mang bản chất là “đi hầu nghề”, tức là nó không hữu ích xét về mặt kinh tế, không bằng ở nhà làm ruộng, làm vườn của riêng mình. Qua cái nhìn của người phụ nữ này, ta còn nhìn thấy các hành động khác của những người nông dân - khách hàng của hợp tác xã, họ ưa mua chịu, và chậm chạp trong việc trả nợ. Cho đến lúc này, chúng ta đã nhận diện vai trò chủ thể kinh tế mới trong cái nhìn so sánh với chủ thể kinh tế cũ. Bản chất kinh tế - xã hội của mỗi loại chưa có sự lột xác đáng kể. Hợp tác xã mới vẫn trong hình hài của một tổ chức nửa kinh tế - nửa xã hội mà cái sức phát triển đột phá của nó vẫn đang bị kìm hãm ở đâu đó. Liệu sức ì ấy có phải là do nhu cầu và năng lực liên kết của nông dân, cho dù những biện pháp điều chỉnh chính sách thông qua luật đã được thực hiện. Có lẽ sản xuất nông nghiệp của các nông hộ ở địa phương chưa đạt tới mức cần liên kết kinh tế dựa trên việc đa dạng hóa nhiệm vụ và chuyên biệt hóa lao động, nên chưa có nhu cầu tạo thành các tổ liên kết hay hợp tác xã. Để kết thúc mục này, tôi xin dẫn lại ý kiến của Boeke nhận xét về vùng Viễn Đông rằng cộng đồng làng xã được gắn kết lại không phải do sự liên hệ kinh tế mà chính là do mối liên đới xã hội, nghĩa là mọi thành viên đều dành quyền ưu tiên cho lợi ích tập thể (dẫn theo Breman, 1995: 16). Nếu chừng nào nhận xét này còn đúng với nơi này, thì có lẽ sẽ còn một khoảng cách xa nữa

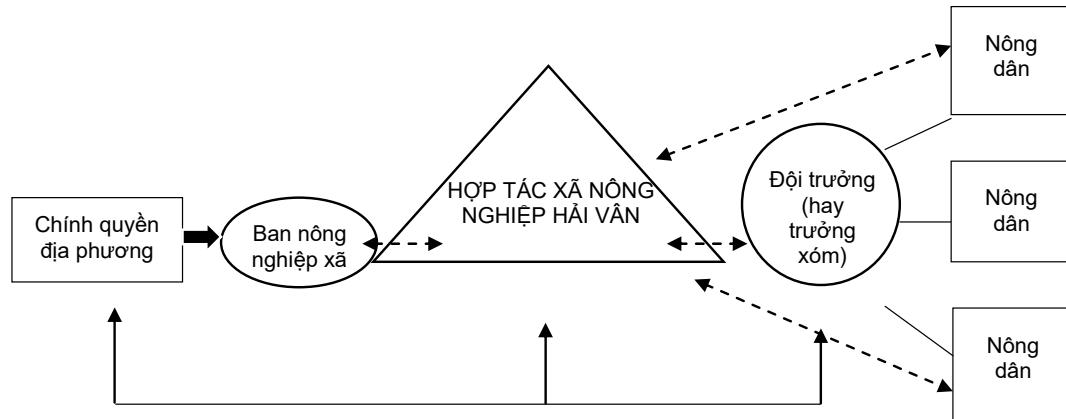
để những nông dân Hải Vân hôm nay tự biến mình thành một thành viên của tổ chức hợp tác xã nào đó. Như thế, hợp tác xã kiểu mới là một hiện thực đang được kiến tạo về mặt xã hội. Trong mục tiếp theo đây, chúng ta trở lại quan hệ giữa nhà nước và xã hội để tiếp tục nhận diện cái tư cách của hợp tác xã mới trong bối cảnh luật mới ra đời.

5. QUAN HỆ NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

Vào năm 1979, Houtart đến xã Hải Vân để nghiên cứu cách tổ chức hợp tác sản xuất của nông dân thời kỳ hợp tác hóa. Vào thời điểm này, hình thức hợp tác của nông dân đã được tổ chức lại từ các hợp tác xã quy mô nhỏ chuyển sang mô hình hợp nhất quy mô xã, với những hoạt động chuyên biệt ở các tổ đội. Houtart (1979) chú ý phân tích cái tư cách “chủ thể kinh tế” của hợp tác xã, cũng như xem xét vai trò tham gia của “các chủ thể xã hội” vào mô hình này. Trong khi đó, Kerlvliet (2000) lại chú ý phân tích cái tính chất “chính trị hàng ngày” của nông dân trong hợp tác xã thời kỳ kinh tế kế hoạch. Từ đây, Kerlvliet đã chỉ ra mối quan hệ giữa nhà nước - xã hội được điều chỉnh với quyết định của nhà nước trung ương khép lại mô hình kinh tế tập thể. Các phân tích trên gợi ý cho tác giả bài viết này cách nhìn cả theo chiều ngang và chiều dọc khi phân tích cung cách hoạt động của hợp tác xã kiểu mới.

Khi bàn luận về mô hình hợp tác xã trong thời kỳ nền kinh tế kế hoạch, hầu hết các tác giả đều ít nhiều trực

Hình 1. Mối quan hệ nhà nước - hợp tác xã - nông dân



tiếp hoặc gián tiếp nhắc đến những ảnh hưởng của nhà nước lên các quan hệ sản xuất ở cơ sở theo hướng áp đặt từ trên xuống (Nguyễn Sinh Cúc, 1989; Trịnh Huy Hóa, 1990). Houtart và Lemercinier (2001: 95) nhắc đến mối quan hệ giữa nhà nước - hợp tác xã - nông dân như sau: "... cơ bản hợp tác xã đã thực sự thành công về mặt khả năng sản xuất và về mặt hiệu quả tổ chức lao động. Khi đứng ở một cấp độ cao hơn của hệ thống kinh tế và suy xét về mối quan hệ giữa hợp tác xã với nhà nước... thì ta sẽ thấy rõ là tổ chức đó có một số điểm giống như tổ chức của phương thức sản xuất công vật (hoặc Châu Á). Quả vậy, việc giao nộp sản phẩm cho nhà nước đã tái tạo lại trong lòng nền kinh tế một số hình thái của kiểu xã hội này". Kerlvliet (2000) nghiên cứu quá trình xóa bỏ tập thể hóa theo mô hình cũ đã nhận xét rằng sức ép của nông dân đã đẩy các cấp lãnh đạo quốc gia phải thay đổi mô hình hợp tác xã quy mô lớn. Nhà nước nhận ra không dễ thuyết phục nông dân chấp nhận mô hình này. Nông dân có một

nền chính trị riêng và cái thứ chính trị hàng ngày ấy đã buộc nhà nước cấp cao phải thay đổi trong thời kỳ nền kinh tế kế hoạch. Các minh chứng trên chỉ ra tính chất bất bình đẳng trong mối quan hệ ba bên này, hay nói đúng hơn là quan hệ hai bên giữa nhà nước và xã hội. Trở lại với hình thái hợp tác xã kiểu mới hôm nay ở Hải Vân, chúng ta có thể thấy được điều gì trong quan hệ giữa nhà nước và xã hội.

Khi nhắc đến cách tổ chức vận hành của hợp tác xã mới, một thành viên hợp tác xã nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng hợp tác xã của họ có vai trò như "bà đỡ" cho Ban Nông nghiệp. Hợp tác xã thực hiện các yêu cầu của Ban Nông nghiệp xã theo hợp đồng cung cấp dịch vụ thủy nông, bảo vệ đồng và diệt chuột. Song, cái tính chất hợp đồng của nó như chúng ta đã chỉ ra ở trên là hợp đồng ít đem lại lãi suất. Tất cả đều phải thực hiện theo chỉ đạo của chính quyền địa phương và đáp ứng kịp thời vụ mà huyện gửi xuống. Khi vận hành công việc theo chỉ đạo của địa phương, hợp tác xã mới bộc lộ cái tính chất chính trị - xã

hội của nó thay vì là một tổ chức kinh tế hoàn toàn độc lập. Rõ ràng cách vận hành của hợp tác xã đang nối dài sự hoạt động của Ban Nông nghiệp xã thông qua các đội trưởng là các trưởng xóm - những người làm việc theo tinh thần phục vụ nhân dân. Xét theo góc nhìn ấy, hợp tác xã cả cũ và mới đều là kiểu một tổ chức nửa kinh tế, nửa chính trị - xã hội.

Nhưng tại sao hợp tác xã mới vẫn phải duy trì cái đặc tính “nửa chính trị - xã hội” thay vì hoạt động với tư cách của một tổ chức kinh tế? Chia khóa câu trả lời nằm ở mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội. Nếu Kerlvliet (2000) chú ý đến chiều phản hồi từ dưới lên của xã hội vi mô đối với tổ chức nhà nước cấp cao, thì trường hợp Hải Vân lại gợi cho chúng ta thấy cái vai trò đảm bảo xã hội cho nông dân của nhà nước ở cơ sở. Tức là, làm sao phải duy trì sự đảm bảo cung cấp thủy lợi, tưới tiêu, bảo vệ đồng, diệt chuột, nguồn giống và vật tư cho nông dân. Ban Nông nghiệp xã đảm đương một số nhiệm vụ, còn một số nhiệm vụ chuyển giao cho xã hội, mà ở đó chính là hợp tác xã. Chúng ta có thể bắt gặp ở các nhà nước khác cái tư cách bảo trợ cho nông dân, mặc dù năng lực bảo trợ là hết sức khác nhau. Ở Mỹ, nhà nước bảo đảm giá trị tối thiểu các hàng hóa nông nghiệp khi thị trường tự do rớt giá (Marsi, 1989). Ở Trung Quốc, một nhóm nông dân nhỏ được nhà nước hỗ trợ đã thành công với nhãn hiệu dưa hấu “Yulin” (Ngân hàng Thế giới, 2008).

Thông qua hợp tác xã (bao gồm cả các đội trưởng chưa góp vốn) nhà nước cơ sở chỉ đạo hợp tác xã đảm bảo sao cho đồng ruộng của nông dân được bảo vệ. Cái tính chất bảo trợ như thế phải chăng là cần thiết trong điều kiện sản xuất nhỏ của nông dân hiện nay. Đổi lại, hợp tác xã được gì? Những hỗ trợ về trụ sở làm việc, gian cửa hàng vật tư với giá thuê mặt bằng thấp, sân bãi tập kết là những gì hợp tác xã nhận lại. Trong chuỗi mắt xích như thế, ta bắt gặp ở ngã ba của mối quan hệ này vị đội trưởng với tên gọi khác đi của trưởng xóm là giữ vai trò trung giới quan trọng truyền tải các thông điệp đến từ các phía.

Điểm khác biệt then chốt để xác định mô hình kiểu mới với những mô hình trước đó (kiểu cũ) là ở hai điểm: một là quyền sở hữu tài sản, vốn; hai là cách thức vận hành và đối tượng phục vụ. Ở mô hình kiểu cũ, cho đến trước khi Nghị quyết 10 ra đời (năm 1988), sở hữu tài sản thuộc về tập thể xã viên - toàn bộ người dân làng-xã; cách thức vận hành với các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất áp đặt từ trên xuống và chấm công điểm. Sau Nghị quyết 10, các hộ tự chủ sản xuất, đất đai trả về các hộ. Cho đến năm 2015, các tài sản không chia vẫn do hợp tác xã quản lý, nhưng cung cách vận hành như thời bao cấp không còn. Mặc dù tồn tại, song hợp tác xã cũ làm ăn kém hiệu quả, còn các xã viên không đóng góp thêm đồng vốn nào. Luật hợp tác xã 2012 ra đời “giải tán” nốt

Bảng 4. So sánh các kiểu hợp tác xã ở Hải Vân qua các thời kỳ

	Hợp tác xã thời kỳ bao cấp	Hợp tác xã cũ (thời kỳ Đổi mới cho đến trước 11/2015)	Hợp tác xã mới (từ tháng 4/2016 đến nay)
Vận hành	Phân công lao động với hệ thống chấm công điểm. Kế hoạch sản xuất áp từ trên xuống, giao chỉ tiêu pháp lệnh trực tiếp.	Tự tổ chức một số dịch vụ đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.	Tự tổ chức một số dịch vụ đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.
Thành phần	Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã, các đội trưởng và các xã viên là toàn dân làng- xã.	Ban Quản trị Hợp tác xã, các đội trưởng và các xã viên (đại diện các hộ dân).	5 thành viên góp vốn. 12 trưởng xóm đang được vận động tham gia, nhưng họ chưa góp vốn.
Lao động	Theo các tổ, đội lao động và hưởng theo công điểm.	Thuê lao động là các xã viên và trả công theo giá thị trường.	Thuê lao động, trả ngày công theo giá thị trường.
Tài sản	Sở hữu tập thể. Tập thể hóa ruộng đất và công cụ lao động.	Sở hữu tập thể tài sản không chia, còn ruộng đất thuộc quyền sử dụng của nông dân sau Luật đất đai 1993.	Tài sản không chia trước 2015 do nhà nước quản lý. Các thành viên mới tự góp vốn. Số góp mới chỉ đạt 1/3 vốn điều lệ.
Thu mua nông phẩm	Không thu mua theo giá thị trường, thực chất là duy trì sự cống vật của xã viên ¹ .	Không thu mua nông phẩm mà chỉ cung cấp một số dịch vụ đầu vào.	Không thu mua nông sản, chỉ cung cấp một số dịch vụ đầu vào.
Đối tượng khách hàng	Là các xã viên, nhưng không có quan hệ bình đẳng giữa hợp tác xã và xã viên.	Là các xã viên, quan hệ bình đẳng hơn trước.	Là Ban nông nghiệp xã và các nông hộ.
Quan hệ với nhà nước	Phụ thuộc hoàn toàn.	Phụ thuộc một phần.	Phụ thuộc ít hơn; được nhà nước cơ sở hỗ trợ.

Nguồn: Nguyễn Thị Minh Phương tổng hợp, 2018.

phần tài sản còn lại (vốn được chuyển tiếp từ thời kỳ bao cấp) để giải thể mô hình cũ. Hợp tác xã kiểu mới ra đời dựa trên sự xác lập rõ ràng các giao ước về đóng góp vốn, chia lợi nhuận và sở hữu tập thể các tài sản không chia, nhưng khác với mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã mang bản chất phục

vụ các thành viên của chính nó. Nhưng ở Hải Vân, triển vọng ấy vẫn còn ở tương lai. Đó là một hiện thực đang được kiến tạo.

6. BÀN LUẬN VÀ KẾT LUẬN

Hải Vân gần 40 năm trước đã đạt một sức sản xuất mới vào cuối thời kỳ nền kinh tế kế hoạch theo hướng tích cực.

“Chỉ thị 100 ra đời tạo ra sự phân phối lại trong các công việc lao động nông nghiệp. 5 khâu đầu: cày, tưới tiêu, sản xuất giống, phân bón và phun thuốc trừ sâu thuộc về tập thể, 3 khâu sau được cá thể hóa, gia đình là đơn vị sản xuất... Kết quả vụ đầu giao hợp đồng, không có hộ nào là không đạt định mức. 35% hộ đạt định mức, 65% vượt định mức” (Houtart và Lemerminier, 2001: 101-104). Nhìn lại từ quá khứ, bài học của Hải Vân gợi ra nhiều điều đáng suy nghĩ. Nếu người nông dân Hải Vân đang làm ăn manh mún hôm nay muốn tiến tới một quan hệ sản xuất mới như tổ hợp tác, hay hợp tác xã, thì họ phải vượt qua được tình trạng mà Chu Hữu Quý (1989) gọi là đóng góp vào làm ăn tập thể chủ yếu là sức lao động; họ cũng phải vượt qua được tình trạng mà Houtart (2001: 96-97) nhận diện là tình trạng thiếu phương tiện tài chính, thiếu kinh nghiệm quản lý giải thích cho khả năng sản xuất yếu của khu vực kinh tế tập thể. Mặc dù về cơ bản mức sống của nông hộ ngày nay đã có những thay đổi to lớn so với quá khứ, cung cách làm ăn manh mún của nông hộ và những rào cản về vốn, về năng lực tổ chức sản xuất tập thể vẫn là những thách thức thực sự trong hiện thực.

Hiện thực xã hội về hợp tác xã kiểu mới được tạo ra trong quá trình nhận thức của các thành viên hợp tác xã, của chính quyền cơ sở và nông dân. Điều đáng chú ý ở đây là thực tại đó được kiến giải theo những cách khác nhau dưới các nhãn quan khác nhau

của các chủ thể và các tác nhân. Đối với các thành viên của hợp tác xã, vai trò của hợp tác xã như là “bệ đỡ cho Ban Nông nghiệp xã”. Đối với nông dân, đó là một tổ chức cung cấp một số dịch vụ nông nghiệp mà bất kỳ lúc nào họ cũng có thể kiếm được bên ngoài, hoặc nếu chẳng việc sử dụng dịch vụ nông nghiệp của hợp tác xã là có phần bắt buộc thì đó cũng là việc cần làm với tư cách là một thành viên cộng đồng. Ở đây, chúng ta chưa tìm thấy cái tâm thế sử dụng dịch vụ hợp tác xã bởi họ chưa tự coi mình là thành viên của tổ chức hợp tác xã mới. Trong lòng xã hội nông dân, một phương thức hợp tác kiểu mới được thúc đẩy ra đời là thể hiện cao nhất sự tác động của luật mới và các chính sách tương ứng. Nếu như nói “sự ngăn ngừa” có phần “thờ ơ” của nông dân với hợp tác xã là một hiện thực xã hội, thì điều này thực sự hàm chứa một ý nghĩa rằng thực tại ấy là có thực và hoàn toàn khách quan. Trong quá trình kiến tạo hiện thực xã hội, các tác nhân liên quan có thể gia cố các hành động của mình để cấu trúc mới biểu lộ rõ hình hài và vận hành theo quy định mới, hoặc tiếp tục duy trì dạng thức hiện có. Hiện thực của đời sống xã hội nông dân đang kiến tạo hợp tác xã kiểu mới theo một cách nào đấy và quá trình này vẫn đang tiếp tục với câu trả lời ở tương lai.

Về mặt cấu trúc, mô hình hợp tác xã thời kỳ tập thể hóa đã không còn nữa cả ở phương diện thể chế cũng như

trong tâm thế xã hội. Ngày nay, với cách vận hành chủ yếu là cung cấp dịch vụ đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, và phần đông khách hàng lại không phải là thành viên, thì hợp tác xã mới hay cũ chỉ là những biến thể khác nhau của cùng một dạng thức nửa kinh tế, nửa chính trị - xã hội. Dĩ nhiên, nếu so sánh hai kiểu loại hợp tác xã thời kỳ kế hoạch hóa và hợp tác xã hiện nay thì quả là khập khiễng, bởi bản chất của chúng hoàn toàn khác nhau. Song, nếu xét đến những liên hệ về mặt xã hội bao gồm cả những nỗ lực thể chế thì cung cách vận hành của hợp tác xã mới vẫn tỏ ra rơi rớt đôi nét nào đó của kiểu tổ chức hợp tác xã cũ thông qua vai trò đội trưởng theo từng thôn xóm như trước đây. Về mặt chính trị - xã hội, hợp tác xã mới thể hiện chức năng kép, vừa hỗ trợ Ban Nông nghiệp xã, vừa hỗ trợ nông dân giải quyết vấn đề thủy nông. Chừng nào nhà nước cơ sở vẫn phải chỉ đạo cả hợp tác xã và các trưởng xóm phối hợp theo lịch nông nghiệp của huyện đưa xuống thì chừng đó hợp tác xã mới vẫn dưới dạng thức của một tổ chức nửa kinh tế, nửa chính trị - xã hội mà thôi. Hợp tác xã theo luật mới sẽ phải nỗ lực nhiều hơn để thu hút nông dân tham gia góp vốn, hoặc trong lòng xã hội ấy hình thành những tổ hợp tác mới và tiến tới một quan hệ liên minh hợp tác xã trên phạm vi rộng hơn sau này. Hợp tác xã kiểu mới phải có tư cách độc lập, nhưng quan trọng hơn nó

phải phục vụ thành viên của mình, chứ không thể là một dạng thức doanh nghiệp. Tuy nhiên, khả năng hợp tác xã kiểu mới có làm ăn hiệu quả hay không vẫn để ngỏ câu trả lời bởi nó thiếu vốn như bất kỳ một loại hình kinh doanh nào. Tiến tới những liên kết mới bằng việc rút ra những bài học kinh nghiệm từ quá khứ của mô hình hợp tác xã thời kỳ kế hoạch hóa ở Hải Vân, hay hợp tác xã kiểu cũ (trước 2015) là cần thiết. Trong tương lai, nó cần sự gia nhập của nhiều nông dân khác để trở thành một hợp tác xã theo đúng luật. Sự lựa chọn ấy phải thuộc về những người nông dân Hải Vân.

Hải Vân đã trải qua ba biến thể khác nhau với cùng tên gọi “hợp tác xã” (hợp tác xã thời kỳ nền kinh tế kế hoạch, hợp tác xã nông nghiệp thời kỳ Đổi mới và hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp theo luật năm 2012). Những gợi ý từ hiện thực kiến tạo hợp tác xã kiểu mới cho thấy việc phát triển sản xuất nông nghiệp thông qua liên kết nông dân vẫn sẽ còn là một nỗi niềm mong mỏi của bộ ba nhà nước, tổ chức hợp tác xã và nông dân. Trong nỗi niềm ấy, mối quan hệ giữa nhà nước, hợp tác xã và nông dân vẫn là một bộ ba quan hệ phức hợp. Tìm hiểu về hợp tác xã nông nghiệp ở xã Hải Vân hôm nay dưới góc nhìn lý thuyết kiến tạo xã hội về hiện thực là một gợi ý cho việc nhìn lại quá khứ và tiến tới tương lai của các mẫu hình liên kết nông dân. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Thuật ngữ “construction”, “social construction” và “socially constructed” trong tiếng Anh được dịch sang tiếng Việt là “sự kiến tạo”, “sự kiến tạo xã hội” và “được kiến tạo về mặt xã hội” (Xem cuốn “Lời mời đến với xã hội học – Một góc nhìn nhân văn” của Peter L. Berger xuất bản tiếng Việt năm 2015 (do Phạm Văn Bích dịch) và cuốn “Sự kiến tạo xã hội về thực tại” của Peter L. Berger và Thomas Luckman xuất bản tiếng Việt năm 2015 (do Trần Hữu Quang chủ biên dịch). Ngoài ra, chúng ta cũng có thể bắt gặp trong đời sống cách sử dụng cụm từ như “chính phủ kiến tạo”, hoặc “cầu thủ kiến tạo”.

⁽²⁾ Khoản 1, Điều 17 của Luật Hợp tác xã 2012.

⁽³⁾ Xem thêm Trần Hữu Quang, 2015. Chú giải thuật ngữ, trong sách Berger và Luckmann, 2015. Sự kiến tạo xã hội về thực tại. Hà Nội: Nxb. Tri thức, trang 293-294.

⁽⁴⁾ Cửa hàng này vốn là cửa hàng của hợp tác xã cũ, nay thuộc Ủy ban Nhân dân xã quản lý.

⁽⁵⁾ Chữ in đậm trong ngoặc là tác giả bổ sung.

⁽⁶⁾ Houtart và Lemercinier (2001: 78-79, 99) nhận định thời kỳ này là một sự kết hợp giữa một bên là các hình thức manh mún, một bên là các hình thức công vật trong lòng một phương thức sản xuất muốn quá độ lên chủ nghĩa hội. Còn Nguyễn Sinh Cúc (1989: 59) viết sau 1975, trên quy mô cả nước, tỷ lệ sản lượng xã viên nhận được chỉ còn 52,48% (năm 1976) và tiếp tục giảm xuống còn 42,58% đến đầu thời kỳ Đổi mới (1987). Kerlvliet (2000: 312) cũng đưa ra nhận xét tương tự về hợp tác xã thời kỳ này rằng danh sách những người không tham gia sản xuất ngày càng dài thêm nhưng được thụ hưởng thành quả sản xuất, trong khi những người làm vượt trội mức sản xuất tập thể chỉ được giữ lại 20% số vượt trội đó. Họ phải bán 80% còn lại cho nhà nước theo quy định với giá thấp.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh dịch vụ của hợp tác xã ở xã Hải Vân từ năm 2011-2016.
2. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2017. Hải Hậu (Nam Định): Hợp tác xã nông nghiệp chuyển mình. <http://www.dangcongsan.vn/preview/newid/442331.html>, truy cập ngày 5/4/2018.
3. Berger Peter L. và Luckman Thomas (Trần Hữu Quang chủ biên dịch). 2015. *Sự kiến tạo xã hội về thực tại*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
4. Berger Peter L (Phạm Văn Bích dịch). 2015. *Lời mời đến với xã hội học – Một góc nhìn nhân văn*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
5. Breman Jan. 1995. “Hình ảnh tan vỡ: Xây dựng và phá vỡ hình tượng về làng - xã tại châu Á thời thuộc địa”. Trong *Làng - xã ở châu Á và ở Việt Nam* - Kỷ yếu hội thảo khoa học. Mạc Đường (chủ biên). 1995. TPHCM: Nxb. TPHCM.
6. Đào Thế Tuấn. 1989. “Hệ thống nông nghiệp và vấn đề nghiên cứu xã hội học ở nông thôn”. *Tạp chí Xã hội học*, số 1.
7. Houtart François và Geneviève Lemercinier (Hồ Hải Thụy dịch). 2001. *Xã hội học về một xã ở Việt Nam: Tham gia xã hội, các mô hình văn hóa, gia đình, tôn giáo ở xã Hải Vân*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

8. Kerlvliet Benedict J.Tria. 2000. “Quan hệ làng xóm - nhà nước ở Việt Nam: tác động của đời sống chính trị thường ngày đối với quá trình xóa bỏ tập thể hóa theo mô hình cũ”. Trong Benedict J.Tria Kerlvliet & James Scott. 2000. *Một số vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
9. Marsi Piter. 1989. “Các chủ trại và các xã viên hợp tác xã: quan điểm của một nhà nghiên cứu Mỹ về cuộc cải tổ nông thôn Xô Viết”. *Tạp chí Thông tin lý luận*, số 12.
10. Ngân hàng Thế giới. 2008. *Báo cáo phát triển thế giới: Tăng cường nông nghiệp cho phát triển*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.
11. Nguyễn Huy. 1989. “Quan niệm mới của Đảng ta về chế độ hợp tác xã và quá trình hợp tác hóa trong thời gian tới ở nước ta”. *Tạp chí Thông tin lý luận*, số 12.
12. Nguyễn Khắc Thanh. 1989. “Vấn đề hợp tác hóa trong một số tác phẩm của A.V.Trai-a-nốp (1889-1939)”. *Tạp chí Thông tin lý luận*, số 12.
13. Nguyễn Sinh Cúc. 1989. “30 năm hợp tác hóa nông nghiệp ở nước ta (Qua số liệu thống kê)”. *Tạp chí Thông tin lý luận*, số 12.
14. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Hợp tác xã năm 2012*, thông qua ngày 20/11/2012.
15. Trịnh Huy Hóa. 1990. “Những vấn đề lý luận và quan điểm cơ bản về con đường chuyển nông thôn nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội”. *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, số 3.
16. Võ Thị Kim Sa. 2012. “Vai trò kép của hợp tác xã và vị trí của nó trong không gian xã hội”. *Tạp chí Xã hội học*, số 3.